

Bản án số: 507/2024/DS-PT

Ngày 20-12-2024

V/v tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU****- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:****Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hải Hà**Các Thẩm phán:**

Ông Đặng Minh Trung

Ông Dương Hùng Quang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thúy Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.**- Đại diện viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 11 và ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 340/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024, về việc “Đòi tài sản là quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 205/2024/DS-ST ngày 30 ngày 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 400/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1950.

2. Ông Nguyễn Út Đ, sinh năm 1968.

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957.

Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau;

4. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1955.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Đường C, khu đô thị H home, khóm A, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn:

1. Ông Phan Duy H1, sinh năm 1959.

2. Chị Phan Thị Tố N1, sinh năm 1989.

3. Chị Phan Thị Tố A, sinh năm 1991.
4. Chị Phan Thị Anh T, sinh năm 2004.
5. Chị Phan Thị Minh T1, sinh năm 2007.

Cùng địa chỉ cư trú: Số C, đường Q, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông Phan Duy H1, chị Phan Thị Anh T, chị Phan Thị Minh T1, chị Phan Thị Tố A là chị Phan Thị Tố N1 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Phan Thị Tố N1: Ông Thái Huyền T2.

Địa chỉ cư trú: Nhà số C, đường Q, khóm D, phường E, thành phố C.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1959.

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Út Đ là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn trình bày:* Cha, mẹ các đồng nguyên đơn là cụ Nguyễn Bá N2, chết năm 2001 và cụ Trương Thị N3, chết năm 2014. Sinh thời các cụ có 09 người con nhưng đã có 2 người con chết còn nhỏ, còn lại 07 người con gồm ông Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Hoàng C, ông Nguyễn Út Đ, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S. Cụ N2 và cụ N3 có tài sản là phần đất có chiều ngang 05m, chiều dài 40m, diện tích 200m<sup>2</sup>, tọa lạc khóm D, phường E, thành phố C. Nguồn gốc do nhận chuyển nhượng vào năm 1962. Từ khi nhận chuyển nhượng đất cụ N3 và cụ N2 đã cho ông Nguyễn Thanh B ở cùng cụ N3 và cụ N2 đến khi ông B cưới vợ là bà Huỳnh Thị A1 có một con chung là bà Nguyễn Thị L, đến năm 1983 cụ N2 cụ N3 cùng các con về huyện Đ ở, bà A1 và con tiếp tục ở trên nhà này. Sau đó bà L kết hôn với ông Phan Duy H1 cũng ở cùng bà A1, do thấy hoàn cảnh gia đình ông H1 khó khăn nên vào năm 2004, cụ N3 ủy quyền cho con là ông Nguyễn Văn C1 và ông Nguyễn Út Đ ký vào tờ cam kết cho ông Phan Duy H1 và bà Hồ Thị Lệ M phần đất để ở nhưng không được chuyển nhượng sang bán cho người khác và có hứa nếu khi lấy lại phải giao cho bà Hồ Thị Lệ P đất trong nội ô thành phố C để ở. Bản gốc tờ cam kết hiện chính quyền địa phương đang giữ nên không cung cấp được. Quá trình mượn đất có nhà đã cũ. Sau đó, gia đình ông H1 được cấp nhà tình đồng đội ở cho đến nay.

Do phần đất của cụ N2 và cụ N3 chết để lại chưa chia nên các đồng thừa kế của các cụ yêu cầu bị đơn trả lại phần đất chiều ngang 04 m chiều dài 40m, tổng diện tích 160m<sup>2</sup> tọa lạc khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Tại phiên tòa, người đại diện ủy quyền cho nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả lại phần đất diện tích 90.7 m<sup>2</sup> theo trích lục bản đồ và sổ mục kê.

*Bị đơn ông Phan Duy H1 trình bày như sau:*

Nguồn gốc phần đất của ông Võ Văn K và con là ông Nguyễn Thanh B nhận chuyển nhượng để cất nhà ở trước năm 1969 sau đó cho ông B cưới vợ là bà Huỳnh Thị A1 nên cùng ở tại số nhà C, đường Q, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau, sau đó ông B và bà A1 có một người con là bà Nguyễn Thị L thì ông

Nguyễn Thanh B qua đời, bà Huỳnh Thị A1 tái giá với ông Hồ Hữu N4 và nuôi bà Nguyễn Thị L nên lấy họ cha dượng là Hồ Thị Lệ . Trong lúc bà A1 ở trên đất do không có điều kiện đi đăng ký quyền sử dụng đất nên bà A1 chỉ có nộp thuế cho Nhà nước. Vào năm 1984 khi ông H1 kết hôn với bà L thì vợ chồng ông cùng chung sống với bà A1 được gia đình bên vợ, ông bà nội vợ và các cô chú đồng ý cho vợ chồng ông ở nên không tranh chấp, vào năm 2004 chính quyền địa phương xét xây cất nhà Đ2 cho gia đình ông. Đến ngày 07/01/2004 UBND phường E, thành phố C có quyết định bàn giao nhà Đ2, đến ngày 15/10/2004, ông Nguyễn Văn C1 và ông Nguyễn Chiến Đ1 muốn nhận căn nhà làm kỷ niệm là nơi ở trước đây của cha mẹ vợ ông, để vợ chồng ông ở và cam kết không được sang bán, nếu lấy lại phải cấp lại cho vợ, chồng ông phần đất tại nội ô thành phố C. Đến ngày 26/5/2017 bà Huỳnh Thị A1 qua đời, ngày 14/7/2020 bà Hồ Thị L1 qua đời (ngày 15/5/2017 con ông H1 là chị Phan Thị Cẩm T3 chết cũng tại căn nhà này). Ông xác định đây là tài sản của cha, mẹ vợ ông là ông Nguyễn Thanh B và bà Huỳnh Thị A1, là nơi ở duy nhất của gia đình, nên không đồng ý trả lại cho nguyên đơn. Nếu trường hợp nguyên đơn lấy lại thì giao lại cho gia đình ông một phần đất tại nội ô thành phố C để gia đình ông có nơi ở ổn định như tờ cam kết do ông C1 và ông Đ1 ký.

*Chị Phan Thị Tố N1 đại diện ủy quyền cho ông Phan Duy H1 trình bày:* Không đồng ý với yêu cầu của phía nguyên đơn, thống nhất với lời trình bày của ông Phan Duy H1 tại bản tự khai.

*Ông Nguyễn Hoàng C trình bày tại biên bản ghi ý kiến ngày 24/6/2024 như sau:*

Ông là con của cụ Nguyễn Bá N2, cụ Trương Thị N3, cha mẹ ông sinh được 09 người con, có hai con đã chết từ nhỏ, hiện nay ông B và ông C1 đã chết còn lại 05 người. Cha mẹ ông có phần đất diện tích 200m<sup>2</sup>, tại số nhà C, đường Q, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có 01 căn nhà. Năm 1984 cha, mẹ ông thấy gia cảnh của cháu là bà Hồ Thị L1 khó khăn nên đã cho cháu và chồng là ông Phan Duy H1 phần đất nêu trên nhưng không được sang bán chuyển nhượng cho người khác. Hiện nay Hồ Thị L1 đã qua đời, các chị em ông bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Út Đ, bà Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị S yêu cầu ông Phan Duy H1 cùng các con ông H1 trả đất thì ông không đồng ý và yêu cầu xét xử vắng mặt ông.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2024/DS-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:*

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Út Đ, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu bị đơn ông Phan Duy H1, chị Phan Thị Tố N1, chị Phan Thị Tố A, chị Phan Thị Anh T, chị Phan Thị Minh T1 trả lại phần đất diện tích 90,7m<sup>2</sup>, tọa lạc số nhà C, đường Q, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14/8/2024, ông Nguyễn Út Đ kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Út Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 205/2024/DS-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Út Đ được thực hiện trong hạn luật định, đơn kháng cáo hợp lệ theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Út Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng: Các đồng nguyên đơn xác định về nguồn gốc phần đất của cụ Nguyễn Bá N2 và cụ Trương Thị N3 nhận chuyển nhượng từ bà Lê Thị N5 vào năm 1961 (giấy xác nhận lập năm 2002, BL 145), năm 1984 cho ông Nguyễn Thanh B mượn ở, đến năm 2004 cho ông Phan Duy H1 và Hồ Thị Lệ mượn ở nên mới lập giấy cam kết chỉ được ở không được sang bán, có chữ ký của ông H1 và bà L1.

Bị đơn thì cho rằng phần đất tranh chấp do ông Nguyễn Thanh B chuyển nhượng của ông Võ Văn K, sau đó ông B cưới bà Huỳnh Thị A1 làm nhà trước năm 1969, năm 1969 sinh bà Nguyễn Thị L (Hồ Thị L1) và ở cho đến nay, quá trình sinh sống bà Huỳnh Thị A1 có đăng ký kê khai đóng thuế năm 1993, có tên trên sổ mục kê, được nhà nước xây dựng nhà “Đại đoàn kết” vào năm 2004. Từ khi ở đến nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phát sinh tranh chấp với ai.

Như vậy, về nguồn gốc đất cả nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng tự chuyển nhượng nhưng về chứng cứ thì không cung cấp được. Nguyên đơn chỉ cung cấp xác nhận của bà Lê Thị N5 chuyển nhượng cho cụ N3 vào năm 1961, có lúc thì nguyên đơn trình bày cụ N3 chuyển nhượng của bà Sáu C2 (Là bà Lê Thị N5) vào năm 1962 (BL 56, 211), không cung cấp được tài liệu chứng minh việc cụ N2 cụ N3 chuyển nhượng đất và sử dụng đất. Bị đơn không cung cấp được việc chuyển nhượng từ ông Võ Văn K, chỉ chứng minh được quá trình quản lý sử dụng từ khi ông Nguyễn Thanh B ở trên đất từ năm 1969 bằng chứng cứ là sinh bà Nguyễn Thị L tại nhà và đất tranh chấp, được bên nguyên đơn thừa nhận bà L ở trên đất từ khi sinh đến khi mất (BL 210). Ông B chết năm 1969 cùng năm sinh bà L, sau đó vợ con và cháu ông B cũng sinh sống trên đất này liên tục không gián đoạn và khi cụ N2 còn sống cũng không tranh chấp, phía Nguyên đơn cho rằng do có việc cho ông B mượn (không có tài liệu chứng minh) sau đó đến con và cháu ông B mượn thể hiện qua tờ cam kết có nội dung cho mượn. Tuy nhiên, đối chiếu tờ cam kết, mặc dù giấy phô tô nhưng bên bị đơn thừa nhận có ký có nội dung “*Nay tôi làm cam kết này...Nếu phần đất hiện tại tôi ở sẽ không bán. Lúc nào bên nội cần lấy lợi phải cấp lại cho vợ chồng tôi nhà và đất ở tại nội ô thành phố C*”(BL 107) Bị đơn cho rằng nếu bên nguyên đơn muốn nhận lại tài sản của ông B thì phải có nhà đất

khác để ở. Nay hai bên không thống nhất được việc xây dựng nhà và giao đất ở nên không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Căn cứ vào lời trình bày của phía bị đơn là có cơ sở chấp nhận vì nội dung tờ cam kết không thể hiện có việc cho mượn, bị đơn cũng thừa nhận nếu muốn giữ lại tài sản của ông B thì phải thoả thuận được việc giao nhà và đất nơi ở thuận tiện cho bên bị đơn vì ông B chuyển nhượng, đến năm 1973 ông B chết, bà A1 tái giá và bà A1 vẫn cùng con sinh sống trên phần đất này. Đây cũng được xem là điều kiện của bên bị đơn đưa ra, nếu đất nguyên đơn cho mượn thì không có việc bên bị đơn đặt ra điều kiện trong tờ cam kết hai bên ký tên.

[4] Tại hồ sơ, ông H1 cũng đã cung cấp hồ sơ hoá đơn, hợp đồng mua bán điện, thông báo thuế nhà và đất, tờ khai nộp thuế, biên lai thu thuế các năm từ năm 1993 đến năm 2002 do bà Huỳnh Thị A1 là người trực tiếp giao dịch và ký hợp đồng, đến ngày 7/01/2005 ông Phan Duy H1 được UBND phường E bàn giao nhà Đại đoàn kết trị giá 8.686.500 đồng từ nguồn vận động từ nguồn quỹ từ việc vận động trong công tác xóa đói giảm nghèo của tỉnh Cà Mau để ông H1 cùng bà L sinh sống. Đến năm 2015, phần đất bị ảnh hưởng đến dự án nâng cấp đô thị thành phố C, nên việc thông báo bồi thường và quá trình xây dựng nhà Đ2 phía ông Đ và bà V bà S, bà N6 cũng không ai ngăn cản hoặc tranh chấp. Ông Nguyễn Hoàng C cũng thừa nhận cụ N2 và cụ N3 đã cho bà A1 và ông B ở trên phần đất trên sau đó bà A1 đã giao cho ông H1 và bà L ở từ năm 1984 đến khi cụ N2 và cụ N3 qua đời thì phần đất không có tranh chấp. Theo sổ theo dõi đăng ký tạm trú và tạm vắng chủ hộ là bà L và ông H1 cùng các con của bà L và ông H1 là chị Phan Thị Tố N1, chị Phan Thị Tố A, chị Phan Thị Anh T và chị Phan Thị Minh T1 đang sinh sống trên phần đất này, đến năm 2020 bà L qua đời thì ông H1 cùng các con ông H1 tiếp tục ở cho đến nay. Theo sổ mục kê, tờ bản đồ của các thời kỳ thể hiện bà Huỳnh Thị A1 đã đăng ký kê khai, sử dụng diện tích 91,2m<sup>2</sup> theo sổ mục kê năm 1999, đến năm 2009 ông Phan Duy H1 đã kê khai theo sổ mục kê diện tích 90,7m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất 16, tờ bản đồ số 92, phần đất tọa lạc khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Vì vậy không có chứng cứ chứng minh phần đất ông H1 đang ở hiện nay là của cha mẹ nguyên đơn cho ông H1 mượn đất ở nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông H1 trả đất để các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế.

[4] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Út Đ không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Út Đ không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Út Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 205/2024/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Út Đ, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu bị đơn ông Phan Duy H1, chị Phan Thị Tố N1, chị Phan Thị Tố A, chị Phan Thị Anh T, chị Phan Thị Minh T1 trả lại phần đất diện tích 90,7m<sup>2</sup>, tọa lạc số nhà C, đường Q, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Út Đ phải chịu 1.200.000 đồng (đã nộp xong).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S được miễn án phí. Ông Nguyễn Út Đ phải chịu án phí là 3.401.000 đồng. Vào ngày 09 tháng 10 năm 2023, ông Đ đã dự nộp 300.000 đồng, biên lai số 0008389, ông Đ còn phải nộp tiếp 3.101.000 đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Út Đ phải chịu 300.000 đồng. Vào ngày 14 tháng 8 năm 2024, ông Đ đã dự nộp 300.000 đồng, biên lai số 0009205, được chuyển thu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG  
XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Minh Trung Dương Hùng Quang**

**Hoàng Thị Hải Hà**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH CÀ MAU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi giờ phút, ngày 20 tháng 12 năm 2024.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hải H2

*Các Thẩm phán:*

Ông Đặng Minh T4

Ông Dương Hùng Q

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 340/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024, về việc “Đòi tài sản là quyền sử dụng đất”, giữa:

Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1950.

2. Ông Nguyễn Út Đ, sinh năm 1968.

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957.

Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau;

4. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1955.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: Đường C, khu đô thị H home, khóm A, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn:

1. Ông Phan Duy H1, sinh năm 1959.

2. Chị Phan Thị Tố N1, sinh năm 1989.

3. Chị Phan Thị Tố A, sinh năm 1991.

4. Chị Phan Thị Anh T, sinh năm 2004.

5. Chị Phan Thị Minh T1, sinh năm 2007.

Cùng địa chỉ cư trú: Số C, đường Q, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông Phan Duy H1, chị Phan Thị Anh T, chị Phan Thị Minh T1, chị Phan Thị Tố A là chị Phan Thị Tố N1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Phan Thị Tố N1: Ông Thái Huyền T2.

Địa chỉ cư trú: Nhà số C, đường Q, khóm D, phường E, thành phố C.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1959.

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa các quy định của pháp luật.*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Kết quả biểu quyết 3/3.**

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Út Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 205/2024/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Út Đ, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu bị đơn ông Phan Duy H1, chị Phan Thị Tố N1, chị Phan Thị Tố A, chị Phan Thị Anh T, chị Phan Thị Minh T1 trả lại phần đất diện tích 90,7m<sup>2</sup>, tọa lạc số nhà C, đường Q, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Út Đ phải chịu 1.200.000 đồng (đã nộp xong).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S được miễn án phí. Ông Nguyễn Út Đ phải chịu án phí là 3.401.000 đồng. Vào ngày 09 tháng 10 năm 2023, ông Đ đã dự nộp 300.000 đồng, biên lai số 0008389, ông Đ còn phải nộp tiếp 3.101.000 đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Út Đ phải chịu 300.000 đồng. Vào ngày 14 tháng 8 năm 2024, ông Đ đã dự nộp 300.000 đồng, biên lai số 0009205, được chuyển thu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Kết quả biểu quyết 3/3.**

Nghị án kết thúc vào hồi      giờ      phút, ngày 20 tháng 12 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Minh Trung Dương Hùng Q**

**Hoàng Thị Hải H2**